TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông: Đinh Văn Sự;**

2. **Ông: Phạm Minh Vũ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Tào Văn Hai Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên toà*:** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 419/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Cẩm T, sinh ngày 29/11/2003.

Căn cước công dân: 094303008511, cấp ngày 09/3/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

Địa chỉ: Ấp M, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh K, sinh ngày 27/6/1999.

Căn cước công dân: 094099011058, cấp ngày 12/9/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 4/5/2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/5/2026, nguyên đơn là bà Đặng Cẩm T trình bày:

Bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 24/02/2023. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được.

Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Minh T1 (nam); sinh ngày 29/3/2023. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng mẹ là bà Đặng Cẩm T.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn được nên bà Đặng Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Minh K.

- Về con chung: Bà Đặng Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Trần Minh T1 (nam); sinh ngày 29/3/2023 cho bà Đặng Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Bà Đặng Cẩm T không yêu cầu ông Trần Minh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn ông Trần Minh K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Đặng Cẩm T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/5/2026 bà Đặng Cẩm T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Trần Minh K vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2026 của bà Đặng Cẩm T, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Trần Minh K có nơi cư trú tại Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Xét Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 24/02/2023 do Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) cấp cho bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K là văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, cấp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Minh K đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối, không có khiếu nại về việc đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên.

Do đó, việc bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K đăng ký kết hôn ngày 24/02/2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 là tình tiết, sự kiện được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, không phải chứng minh. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo bà Đặng Cẩm T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng gặp gỡ, hòa giải, đoàn tụ nhưng ông Trần Minh K không tham gia hòa giải, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T; bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn, trong khi ông K không tham gia hòa giải, không có ý kiến phản đối và không có biện pháp để đoàn tụ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đặng Cẩm T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 06/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Đặng Cẩm T và ông Trần Minh K có 01 người con chung là cháu Trần Minh T1 (nam); sinh ngày 29/3/2023. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng bà Đặng Cẩm T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Cẩm T yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn đến khi cháu Trần Minh T1 đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung là cháu Trần Minh T1 (nam); sinh ngày 29/3/2023 hiện đang sống chung với mẹ là bà Đặng Cẩm T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Cẩm T, cần giao cháu Trần Minh T1 cho bà Đặng Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm bảo đảm tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, theo yêu cầu của bà Đặng Cẩm T.

Ông Trần Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Đặng Cẩm T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Đặng Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Cẩm T phải chịu theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Cẩm T được ly hôn với ông Trần Minh K.

2. Về con chung: Giao bà Đặng Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Minh T1 (nam), sinh ngày 29/3/2023 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Trong thời gian bà Đặng Cẩm T trực tiếp nuôi con, ông Trần Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản

trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008578 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Đặng Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tp Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Hải;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn